

TĂNG TRƯỞNG CHO VAY VÀ SỰ AN TOÀN CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

CREDIT GROWTH AND SAFETY OF VIETNAMESE COMMERCIAL BANKS

Phùng Thị Lan Hương

Khoa Tài chính Ngân hàng và Bảo hiểm, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

Đến Tòa soạn ngày 01/04/2023, chấp nhận đăng ngày 04/05/2023

Tóm tắt: Trong điều kiện toàn cầu hóa và hội nhập kinh quốc tế, hoạt động cho vay của các ngân hàng chứa đựng nhiều rủi ro. Đảm bảo tăng trưởng cho vay cùng với sự an toàn của ngân hàng có ý nghĩa quan trọng trong hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại Việt Nam.

Từ khóa: Hoạt động cho vay, sự an toàn, ngân hàng thương mại.

Abstract: In the context of globalization and international business integration, lending activities of banks contain many risks. Ensuring loan growth along with strong bank safety is of great significance for Vietnamese commercial banks.

Keywords: Credit activities, safety, commercial bank.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cho vay là một trong những hoạt động đưa lại nguồn thu nhập chính cho các ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam. Tuy nhiên hoạt động này cũng tiềm ẩn rất nhiều rủi ro. Do đó, sự tăng trưởng cho vay và sự an toàn của ngân hàng là điều kiện tiên quyết quyết định sự phát triển bền vững của các ngân hàng thương mại Việt Nam.

2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT

2.1. Cho vay và tăng trưởng cho vay của ngân hàng thương mại

Cho vay là một hình thức cấp tín dụng, theo đó tổ chức tín dụng giao hoặc cam kết giao cho khách hàng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích và thời hạn nhất định theo thỏa thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi [4, điều 2, khoản 1]. Hoạt động cho vay là hoạt động chính, chiếm tỷ lệ cao trong cơ cấu các hoạt động của ngân hàng. Hoạt động cho vay là hoạt động chứa đựng nhiều rủi ro vì

vậy việc đảm bảo an toàn và có hiệu quả hoạt động cho vay, duy trì mức an toàn vốn, thu hút khách hàng là mục tiêu của tất cả các NHTM Việt Nam.

Tăng trưởng cho vay là gia tăng của các nguồn vốn cho vay do các NHTM cung cấp khách hàng. Việc tăng trưởng cho vay của NHTM nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng tăng vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc phục vụ tiêu dùng của cá nhân là cần thiết. Như vậy có thể hiểu tăng trưởng cho vay là tỷ lệ % gia tăng khoản cho vay của ngân hàng cung cấp cho khách hàng kỳ này so với kỳ trước.

Đo lường tăng trưởng cho vay và sự an toàn của ngân hàng thương mại sử dụng tổng hợp các chỉ tiêu bao gồm: dư nợ cho vay, tốc độ tăng trưởng dư nợ cho vay. Dư nợ cho vay là số tiền cho vay của ngân hàng tại một thời điểm nhất định.

Tốc độ tăng trưởng dư nợ cho vay phản ánh số tiền cho vay tăng (giảm) của ngân hàng khi

so sánh tại hai thời điểm xác định. Tốc độ tăng trưởng dư nợ cho vay được xác định bằng tỷ lệ % giữa chênh lệch dư nợ cho vay cuối kỳ và đầu kỳ với dư nợ cho vay đầu kỳ.

Tốc độ tăng trưởng dư nợ = $[(\text{Dư nợ cho vay cuối kỳ} - \text{Dư nợ cho vay đầu kỳ}) / \text{Dư nợ cho vay đầu kỳ}] * 100$

2.2. Sự an toàn hoạt động của ngân hàng thương mại

Sự an toàn hoạt động ngân hàng là việc kiểm soát các nguy cơ trong hoạt động của các ngân hàng thương mại nhằm giảm thiểu những rủi ro đối với ngân hàng.

Để đảm bảo an toàn hoạt động cho các ngân hàng thương mại, Ngân hàng nhà nước đã ban hành thông tư số 41/2016/TT-NHNN quy định về tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Theo thông tư 22/2019/TT-NHNN thì tỷ lệ an toàn vốn phải duy trì ở mức tối thiểu 9% và các quy định an toàn của các tổ chức tín dụng được quy định trong luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và sửa đổi và bổ sung năm 2017.

Theo đó tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu phản ánh mức đủ vốn của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên cơ sở giá trị vốn tự có và mức độ rủi ro trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải thường xuyên duy trì tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này. Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu được xác định bằng tỷ lệ % của vốn tự có so với tổng tài sản có rủi ro.

Ngoài ra mức độ cân đối nguồn vốn cho vay và nguồn vốn huy động của ngân hàng cũng là chỉ tiêu đánh giá mức độ an toàn của ngân hàng. Tỷ lệ cho vay/Tổng tiền gửi của khách hàng phản ánh mức độ cân đối nguồn vốn huy động và nguồn vốn cho vay của ngân hàng

thương mại, được xác định bằng tỷ lệ % giữa dư nợ cho vay và tổng tiền gửi của khách hàng.

Tỷ lệ nợ xấu /Tổng dư nợ là thuật ngữ dùng để chỉ các khoản nợ cho vay khách hàng đang đối diện với rủi ro cao trong việc thu hồi nợ gốc và lãi do khách hàng gặp khó khăn. Tỷ lệ Nợ xấu/Tổng dư nợ được tính bằng cách chia tổng nợ xấu cho tổng dư nợ.

2.3. Mối quan hệ giữa tăng trưởng cho vay và sự an toàn của các NHTM

Sự an toàn của ngân hàng thương mại có thể đánh giá thông qua hệ số an toàn vốn (CAR) và nợ xấu. Các nghiên cứu trước đây như của Cornett và cộng sự (2011), Karmakar và Mok (2015) hay Kim và Sohn (2017). Theo đó, sự cải thiện hệ số CAR giúp các NHTM giảm rủi ro phá sản (Nguyễn Bích Ngân và cộng sự, 2021), từ đó cho phép các NHTM mở rộng quy mô cho vay để tìm kiếm lợi nhuận. Ngược lại, sự suy giảm hệ số CAR khiến các NHTM phải thắt chặt lại các tiêu chuẩn tín dụng để giảm thiểu rủi ro phá sản và tránh ảnh hưởng tiêu cực của biến động kinh tế (Bayounmi và Malander, 2008). Điều này được thể hiện rõ ràng ở cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu khi sự thiếu vốn của các NHTM đã dẫn đến việc suy kiệt tín dụng trong nền kinh tế và gián tiếp khiến nền kinh tế gặp rất nhiều khó khăn từ cuộc khủng hoảng ngân hàng (Gambacorta và Marques - Ibanex, (2011), Brei và cộng sự, (2013)). Như vậy hệ số CAR và tăng trưởng cho vay có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Các nghiên cứu trên đã chỉ ra tác động cùng chiều của hệ số CAR tới tăng trưởng cho vay.

Một số nghiên cứu của Nguyễn Thị Hồng Vinh (2015) chỉ ra mối liên hệ tăng trưởng cho vay và nợ xấu có quan hệ cùng chiều. Skarica (2014) nghiên cứu các nền kinh tế

mới nổi của châu Âu; Festic và cộng sự (2011) đã phân tích năm quốc gia thuộc Liên minh Châu Âu (EU); Messai và Jouini (2013) đã nghiên cứu ba nền kinh tế châu Âu bị khủng hoảng ở Hy Lạp, Ý và Tây Ban Nha. Hầu hết các nghiên cứu này tìm thấy tác động tích cực của tăng trưởng tín dụng ngân hàng đối với các khoản nợ xấu.

3. THỰC TRẠNG TĂNG TRƯỞNG CHO VAY VÀ SỰ AN TOÀN CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

3.1. Cho vay và tăng trưởng cho vay của các NHTM Việt Nam

Quy mô cho vay của các NHTM Việt Nam liên tục gia tăng trong thời kỳ 2018-2022 với tốc độ tăng bình quân 12,6%. Hoạt động cho vay của các NHTM Việt Nam bị tác động

đáng kể do các quy định của NHNN về hạn chế tín dụng ngắn hạn đối với các lĩnh vực kinh doanh bất động sản có mức độ rủi ro cao. Do vậy tín dụng trung và dài hạn còn 40% từ năm 2018 (năm 2017 là 50%). Cùng với yêu cầu các ngân hàng áp dụng chuẩn Basel 2 vào năm 2020, định lượng mức độ rủi ro cho các hoạt động đã tác động đáng kể tới hoạt động cho vay của các NHTM Việt Nam. Nhóm NHTM nhà nước vẫn dẫn đầu mức tăng trưởng cho vay như VCB với mức bình quân 15,9%, tiếp theo BIDV là 9,9%. Nhóm NHTM CP đại diện là Techcombank, VPB mặc dù quy mô cho vay khiêm tốn hơn nhóm Big Four nhưng cũng đạt sự gia tăng đáng kể về cho vay lần lượt là 27.5% và 18% (bảng 1, 2).

Bảng 1. Tăng trưởng cho vay của các NHTM Việt Nam

Đơn vị tính(%)

TT	Ngân hàng	2018	2019	2020	2021	2022
1	VCB	16,10	16,50	13,30	13,90	19,80
2	BIDV	14,10	12,90	8,40	10,90	12,00
3	VIETINBANK	8,90	8,30	8,70	10,20	12,70
4	AGRIBANK	16,50	11,60	8,10	8,40	9,40
5	TECHCOMBANK	-0,90	44,60	20,80	24,80	21,00
6	VPB	21,70	15,90	13,10	20,70	22,90

(Nguồn: Báo cáo tài chính của các NHTM Việt Nam và tính toán của tác giả)

Bảng 2. Dư nợ cho vay của các NHTM Việt Nam

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Ngân hàng	2018	2019	2020	2021	2022
1	VCB	621.573	724.290	820.545	934.774	1.120.287
2	BIDV	976.334	1.102.366	1.195.240	1.325.578	1.484.030
3	VIETINBANK	851.918	922.325	1.002.772	1.104.873	1.245.057
4	AGRIBANK	1.006.442	1.123.403	1.213.958	1.316.449	1.440.000
5	TECHCOMBANK	157.554	227.885	275.310	343.606	415.752

TT	Ngân hàng	2018	2019	2020	2021	2022
6	VPB	218.395	253.100	286.319	345.600	424.662
	Cộng	3.818.561	4.333.518	4.769.686	5.312.913	6.129.788

Đại dịch Covid-19 có ảnh hưởng đáng kể tới hoạt động cho vay của các NHTM Việt Nam. Mặc dù dư nợ cho vay của các NHTM Việt Nam có sự tăng trưởng, song tỷ lệ cho vay trên tổng tài sản của các NHTM Việt Nam có sự giảm sút mạnh trong năm 2022, đặc biệt với VCB giảm 13,73%, Vietinabank giảm 11,35%, BIDV giảm 6,88%, Agribank giảm 2,15%. Riêng VPbank tăng nhẹ với mức 2,42% (bảng 3). Hoạt động của các DN bị ảnh

hưởng đáng kể của đại dịch Covid-19, hoạt động sản xuất kinh doanh bị ngừng trệ, hàng hóa tồn kho tăng, nhiều doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động. Vì vậy, các NHTM Việt Nam thận trọng cung ứng vốn ra thị trường, giảm nợ xấu, hạn chế rủi ro. Đồng thời các ngân hàng cơ cấu lại nhóm khách hàng, giảm tỷ trọng cho vay khách hàng cá nhân, DN SME, tập trung vào doanh nghiệp quy mô lớn.

Bảng 3. Tỷ lệ cho vay /Tổng tài sản của các NHTM Việt Nam

Đơn vị tính: %

TT	Ngân hàng	2018	2019	2020	2021	2022
1	VCB	63,79	65,84	70,09	75,53	61,8
2	BIDV	75,30	74,97	80,06	76,88	70,0
3	VIETINBANK	82,69	82,77	83,00	80,85	68,8
4	AGRIBANK	77,41	75,99	75,85	75,36	68,8
5	TECHCOMBANK	49,83	60,15	63,13	61,06	59,5
6	VPB	68,66	68,18	69,40	64,88	67,3

(Nguồn: Báo cáo tài chính các NHTM Việt Nam 2017-2021)

3.2. Sự an toàn của các ngân hàng thương mại Việt Nam

Khi đánh giá sự an toàn và quản trị rủi ro của ngân hàng thương mại thông qua hệ số an toàn vốn (CAR), hệ số an toàn vốn theo thông tư 41 năm 2016 và tiếp cận Basel 2 quy định mức tối thiểu là 8%. Các NHTM nhà nước trong năm 2022 có hệ số CAR bình quân 9,04%, trong khi đó hệ số an toàn vốn của nhóm ngân hàng thương mại cổ phần cao hơn

đạt 12,29%. Hệ số an toàn vốn của hầu hết các NHTM Việt Nam đều có xu hướng giảm, tuy nhiên vẫn đảm bảo mức an toàn tối thiểu theo quy định. Năm 2022, có khoảng cách tương đối về tỷ lệ an toàn vốn giữa các ngân hàng so với mức an toàn tối thiểu, tỷ lệ an toàn vốn của một số ngân hàng cao trên 15% như Vpbank, Hdbank, Techcombank. Các ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam còn có tỷ lệ an toàn vốn khá cao, đạt 18,61%.

Bảng 4. Hệ số an toàn vốn (CAR) của các NHTM Việt Nam

Đơn vị tính: %

TT	Ngân hàng	2018	2019	2020	2021	2022
1	VCB	12,14	9,34	9,56	9,30	9,35
2	BIDV	10,30	10,70	9,39	9,00	8,76

TT	Ngân hàng	2018	2019	2020	2021	2022
3	VIETINBANK	10,0	10,63	10,60	9,10	9,90
4	AGRIBANK	11,2	11,8	11,6	10,20	9,00
5	TECHCOMBANK	14,30	15,5	15,50	15,00	15,20
6	VPB	12,30	11,09	11,71	14,30	15,00

(Nguồn: Báo cáo thường niên các NHTM Việt Nam 2018-2022)

Năm 2022 là năm có những khác biệt so với các năm khác. Tỷ lệ cho vay/ tổng tiền gửi của toàn hệ thống chiếm 75,82%. Nhóm NHTM nhà nước vẫn dẫn đầu với mức 82,04%, tiếp theo là nhóm NHTM CP 77,31%. Năm 2022, VPB là ngân hàng có tỷ lệ cho vay trên tổng tiền gửi cao nhất toàn hệ thống 140%. Tuy nhiên, đây cũng là diễn hình cho khác biệt với quy định tỷ lệ cho vay trên tổng tiền gửi của khách hàng nói trên, do VPBank vừa tăng đột biến vốn điều lệ, có nguồn thặng dư vốn rất lớn từ thương vụ bán vốn năm trước. Tiếp theo sau VPB, Techcombank có tỷ lệ cho vay trên tổng tiền gửi của khách hàng ở mức 128,7%. Đối với nhóm NHTM nhà nước như Vietinbank có tỷ lệ cao hơn, 100%. Điều này

có nghĩa là các ngân hàng cho vay vượt quá mức huy động, khả năng sinh lời gia tăng nhưng kéo theo rủi ro thanh khoản cũng gia tăng. Thực trạng cũng phản ánh sự lệch đáng kể giữa tăng trưởng cho vay và tăng trưởng tiền gửi. Đây là một thách thức đối với hệ thống ngân hàng trong việc điều chỉnh hệ số sử dụng vốn, cùng với đó tác động khi nguồn tiền gửi thường có độ lỏng và linh hoạt hơn trong cơ cấu vốn, tăng hoặc giảm khó kiểm soát hơn là tín dụng, nên khi nguồn tiền gửi bị giảm sẽ dẫn tới tỷ lệ trên tăng cao do nguồn vốn cho vay khó giảm tương ứng để cân đối, đặc biệt ở hoạt động rút tiền gửi trước hạn trong khi cho vay rất khó rút được vốn về trước hạn.

Bảng 5. Tỷ lệ cho vay/Tổng tiền gửi KH của các NHTM Việt Nam

Đơn vị tính: %

TT	Ngân hàng	2018	2019	2020	2021	2022
1	VCB	77,68	78,05	80,23	84,38	92,1
2	BIDV	86	87,95	86,98	83,36	76,1
3	VIETINBANK	111,2	107,6	103,8	98,2	103,2
4	AGRIBANK	91,2	88,5	86,4	85,3	92,3
5	TECHCOMBANK	65,5	76,3	78,1	75	128,7
6	VPB	118,8	109	99,8	105,1	140

(Nguồn: Báo cáo tài chính của các NHTM Việt Nam)

Mức độ an toàn hoạt động cho vay thể hiện thông qua tỷ lệ nợ xấu. Hậu quả của đại dịch trong hai năm qua làm cho tỷ lệ nợ xấu của các NHTM hiện nay có xu hướng tăng lên từ mức 1,76% lên mức 1,92%. BIDV và

Agribank là 2 ngân hàng lớn có mức gia tăng tỷ lệ nợ xấu lần lượt là 18,36% và 15,8% vào cuối năm 2022. Nhóm NHTMCP như VPbank có mức gia tăng 28,2%. Trong điều kiện diễn biến phức tạp của tình hình đại dịch, tác động

của yếu tố bên ngoài quốc gia như chiến tranh ảnh hưởng đáng kể tới hoạt động cho vay của các NHTM Việt Nam. Để phòng chống những ảnh hưởng đó các NHTM Việt Nam trích lập

dự phòng rủi ro theo thông tư 14 của NHNN. Nhóm NHTMNN như Vietcombank đã trích lập dự phòng tới 100% (bảng 3.6).

Bảng 6. Tỷ lệ nợ xấu của các NHTM Việt Nam

Đơn vị tính: %

TT	Ngân hàng	2018	2019	2020	2021	2022
1	VCB	0,95	0,78	0,62	0,63	0,68
2	BIDV	1,90	1,74	1,76	0,98	1,16
3	VIETINBANK	1,59	1,16	0,95	1,26	1,24
4	AGRIBANK	1,51	1,46	1,64	1,71	1,98
5	TECHCOMBANK	1,75	1,33	0,47	0,66	0,66
6	VPB	3,50	3,42	3,41	4,47	5,73

(Nguồn: Báo cáo thường niên các NHTM Việt Nam 2018-2022)

3.3. Mối liên hệ giữa tăng trưởng cho vay tới sự an toàn của các ngân hàng thương mại Việt Nam

Các ngân hàng thương mại nhà nước gồm VCB, BIDV, Vietinbank, Agribank là lực lượng chủ lực hỗ trợ nền kinh tế vượt qua đại dịch và những biến động của nền kinh tế thế giới, chiếm hơn 40% thị phần cho vay của toàn hệ thống. Tuy nhiên, đối với ngân hàng Agribank, nên với quy mô cho vay hiện tại, Agribank không còn đảm bảo hệ số an toàn vốn tối thiểu để tăng trưởng cho vay vì hệ số CAR của ngân hàng này đã sát với ngưỡng cho phép. Chính vì vậy, năm 2022, tăng trưởng tín dụng của Agribank chỉ ở mức thấp so với bình quân chung toàn hệ thống. Các ngân hàng VCB, BIDV, Vietinbank hệ số CAR chỉ cao hơn mức tối thiểu tiềm ẩn nhiều rủi ro. Hệ số CAR thấp sẽ giảm khả năng cung ứng tín dụng cho nền kinh tế, gây khó khăn cho Ngân hàng cũng như nền kinh tế.

Trong năm 2022, nhóm NHTM cổ phần có hệ số CAR cao hơn, trung bình ở mức 12,9%. Mặc dù có sự gia tăng hơn năm trước tuy

nhiên so với khu vực vẫn ở mức thấp. Đối với tăng trưởng cho vay, nhóm NHTMCP trong năm 2022 có sự gia tăng cao hơn mức trung bình của toàn hệ thống 14,2%, cụ thể VPB tăng trưởng cho vay đạt 21,9%, TCB có tăng trưởng cho vay 21%. Các NHTM cổ phần có hệ số CAR lần lượt là 15,2% và 15%.

Trong năm 2022, các NHTM Việt Nam đều có sự tăng trưởng cho vay với mức tăng bình quân là 14,5% thì đi kèm với tăng trưởng cho vay là sự gia tăng nợ xấu từ mức 1,9% năm 2021 lên mức 1,92% năm 2022, tức là tăng 0,02%. Dự nợ xấu của các NHTM Việt Nam gia tăng khoảng 35% so với năm 2021. BIDV và VietinBank, lần lượt ở mức 17.622 tỷ đồng, tăng 30% so với năm 2021 và 15.796 tỷ đồng, tăng 10% so với năm trước, Vietinbank dự nợ xấu tăng 26%, Techcombank tăng tới 66%. VPBank với tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ ở mức 5,73%, tăng so với tỷ lệ 4,47% của năm 2021, xét về số dư tuyệt đối, VPBank là ngân hàng có số dư nợ xấu cao nhất với hơn 25.130 tỷ đồng, tăng 55% so với năm 2021.

Như vậy, sự an toàn và tăng trưởng cho vay

của các ngân hàng thương mại Việt Nam có sự quan hệ mật thiết. Để hoạt động của ngân hàng được bền vững và ổn định các NHTM Việt Nam cần gia tăng hệ số an toàn vốn để có thể đạt tăng trưởng cho vay theo mục tiêu của ngân hàng. Đồng thời các NHTM Việt Nam cần duy trì mức nợ xấu dưới 3% để đảm bảo sự an toàn của các ngân hàng.

4. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CHO VAY VÀ SỰ AN TOÀN CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Các NHTM Việt Nam đều có sự tăng trưởng về cho vay ở các mức độ khác nhau. Cho vay bán lẻ có sự gia tăng cùng với sự phát triển của các công ty tài chính. Tăng trưởng cho vay của các NHTM Việt Nam đã gắn liền với chất lượng nợ, kiểm soát được nợ quá hạn. Cho vay toàn bộ nền kinh tế năm 2022 tăng 14,2 % so với năm trước, đặc biệt có sự tăng trưởng cao ở một số lĩnh vực ưu tiên. Cùng với sự hỗ trợ của NHNN khi mở rộng room tín dụng từ 1,5-2% để tạo điều kiện mở rộng tín dụng cho khách hàng có nhu cầu vốn trong nền kinh tế. Nguồn vốn cho vay của các NHTM Việt Nam đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ các DN trong quá trình sản xuất kinh doanh cũng như của cả nền kinh tế.

Các NHTM Việt Nam đã chủ động trong hoạt động kinh doanh, xây dựng cơ chế lãi suất cho vay phù hợp với từng nhóm khách hàng, từng dự án hay phương án kinh doanh.

Công tác thẩm định cho vay đối với khách hàng được củng cố và nâng cao nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng cũng như các yêu cầu trong công tác quản trị rủi ro của ngân hàng.

Nhóm NHTMCP có quy mô nhỏ, gia tăng tỷ lệ cho vay trên tổng tài sản, đạt hiệu quả hoạt động ấn tượng. Nhóm NHTMCP trung bình như Techcombank, VPbank cải thiện được

chất lượng tài sản có sự tăng trưởng mạnh trong hiệu quả hoạt động. Tuy nhiên, nhóm NHTM nhà nước có nhiều khách hàng lớn, số lượng khách hàng lớn cần đẩy mạnh hỗ trợ khách hàng mạnh như giảm lãi suất theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước dẫn tới nguy cơ nợ xấu cao. Tăng trưởng cho vay cùng sự an toàn trong hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại Việt Nam chưa đạt được sự kỳ vọng là hoạt động cho vay của ngân hàng vẫn được thực hiện ở một số ngành nghề có mức độ rủi ro cao. Đối với khách hàng cá nhân có quy mô khoản vay nhỏ nhưng việc tiếp cận vốn vay của các doanh nghiệp này vẫn còn gặp nhiều khó khăn như: các khoản vay yêu cầu giá trị tài sản thế chấp cao, năng lực tài chính của các đối tượng khách hàng này khó chứng minh. Mức độ phong phú và bao phủ các sản phẩm cho vay còn hạn chế.

Các NHTM Việt Nam chưa xây dựng quy trình cho vay tiếp cận với thông lệ quốc tế, còn có khoảng trống, rủi ro lớn.

5. GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY TĂNG TRƯỞNG CHO VAY VÀ SỰ AN TOÀN CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Tăng trưởng cho vay cùng với đảm bảo an toàn của các ngân hàng là mục tiêu mà tất cả các ngân hàng thương mại hướng tới. Các NHTM Việt Nam cần đưa ra chính sách lãi suất hợp lý phân khúc cho từng nhóm khách hàng. Cần có sự thay đổi tỷ trọng tín dụng với nhóm khách hàng nhỏ, khách hàng cá nhân, khách hàng là các doanh nghiệp vừa và nhỏ với mức lãi suất cao hơn đối với đối tượng tín dụng là khách hàng lớn.

Đảm bảo an toàn của ngân hàng, đạt được tăng trưởng tín dụng theo mục tiêu của ngân hàng, các NHTM Việt Nam cần có sự gia tăng vốn điều lệ. Đặc biệt nhóm Big Four sự gia tăng vốn điều lệ nhằm đảm bảo hệ số an toàn

vốn, là tiền đề thúc đẩy cho tăng trưởng cho vay. Agribank là ngân hàng thương mại nhà nước có thể gia tăng vốn điều lệ từ nguồn ngân sách cấp. Đối với các NHTM khác có thể gia tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế để gia tăng nguồn lực.

Xử lý nợ xấu là một trong những biện pháp đảm bảo an toàn hoạt động của NHTM Việt Nam. Các NHTM Việt Nam cần xây dựng một cơ chế định giá các khoản nợ xấu một cách công khai và minh bạch. Các NHTM Việt Nam có thể chuyển các khoản nợ thành vốn cổ phần đồng thời thực hiện việc tái cơ cấu đối với ngân hàng và doanh nghiệp. Ngoài ra các NHTM Việt Nam cần có sự hỗ trợ mạnh mẽ với doanh nghiệp trong việc khơi thông nguồn vốn, phát hành trái phiếu, thúc đẩy quá trình sản xuất kinh doanh nhằm tạo ra lợi nhuận cho doanh nghiệp để có thể tiếp tục thực hiện nghĩa vụ hoàn trả nợ vay cho ngân hàng.

Các NHTM Việt Nam cần tăng cường quản trị rủi ro tín dụng, việc kiểm soát tăng trưởng cho vay của các ngân hàng cần được đặt ra trong bối cảnh hiện nay nền kinh tế đang trong giai đoạn phục hồi, tiềm ẩn nhiều rủi ro đặc biệt là lạm phát. Các NHTM Việt Nam cần ứng dụng công nghệ trong quản trị rủi ro của ngân hàng, xây dựng tư duy đổi mới và quản trị rủi ro trở thành mặc định và xuyên suốt, số hóa quản trị rủi ro phải được xác định là mục tiêu chiến lược. Thông qua việc xác định tầm nhìn dữ liệu, nâng cấp hệ thống dữ liệu rủi ro, thiết lập hệ thống quản trị dữ liệu rủi ro đủ mạnh, nâng cao chất lượng dữ liệu và dữ liệu lớn nhằm xây dựng kiến trúc dữ liệu phù hợp với từng ngân hàng. Đồng thời, các ngân hàng cần thiết

lập quy trình quản trị rủi ro đảm bảo phản ứng nhanh và linh hoạt trong môi trường công nghệ và quy định thay đổi nhanh chóng. Phương pháp nhận dạng có cấu trúc cần được xem xét sử dụng để xác định các rủi ro nghiêm trọng nhất, trên cơ sở đánh giá tình trạng rủi ro hiện tại và ảnh hưởng sau khi sử dụng kết quả phân tích của công nghệ như AI, RPA, học máy..., từ đó sắp xếp thời gian và tài nguyên phù hợp. Các NHTM cần có chính sách đầu tư nâng cấp, cải tiến hạ tầng CNTT thuận lợi cho quá trình tích hợp công nghệ 4.0.

Việc tăng cường công tác giám sát hoạt động tín dụng của các NHTM Việt Nam thông qua việc Ngân hàng Nhà nước thanh tra thực hiện các quy định về tín dụng, quản lý rủi ro, nợ xấu.. Bên cạnh đó Nhà nước có những công cụ tổng hợp ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tiêu dùng trong nước, nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí, thúc đẩy xuất khẩu của doanh nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh nhằm tạo đà cho sự phát triển của nền kinh tế trong đó có sự phát triển của hệ thống ngân hàng.

6. KẾT LUẬN

Sự an toàn hoạt động kinh doanh đi cùng với tăng trưởng cho vay là mục tiêu quan trọng của tất cả các ngân hàng thương mại Việt Nam. Để đảm bảo an toàn hoạt động kinh doanh các ngân hàng thương mại cần tăng cường quản trị rủi ro tín dụng tiêu chuẩn của Basel trong điều kiện hội nhập và cạnh tranh toàn cầu. Khi hệ số an toàn vốn có sự gia tăng trong những gần đây là nền tảng cho tăng trưởng cho vay trong thời gian tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Báo cáo thường niên của các NHTM Việt Nam 2018-2022.

- [2] Báo cáo thường niên Ngân hàng Nhà nước, 2018-2021.
- [3] Nguyễn Minh Kiều, "*Nghệp vụ ngân hàng*", NXB Lao động Xã hội, 2014.
- [4] Ngân hàng Nhà nước, Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016.
- [5] P.S. Rose (2004), *Commercial Bank Management* 4th Edition, McGraw Hill/Irwi.
- [6] Saunders, A., and Cornett, M.M. (2006), *Financial Institutions Management: A Risk Management Approach*, McGraw-Hill, Boston.

Thông tin liên hệ: **Phùng Thị Lan Hương**

Điện thoại: 0912777111 - Email: plhuong@uneti.edu.vn

Khoa Tài chính Ngân hàng và Bảo hiểm, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.